

06 ĐPK
02 CK

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Mã lớp học phần: 24311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 2/6/25 Giờ thi: 10h00 Phòng thi: A.16

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2		9.5	chín rưỡi	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2		8.5	tám rưỡi	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		10	Mười	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2		10	Mười	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2		9.5	chín rưỡi	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2		10	Mười	
7	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2		0.0	không	SV vắng kiểm tra
8	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2		9.0	chín	
9	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2		10	Mười	
10	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2		7.5	bảy rưỡi	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2		9.0	chín	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2		10	Mười	
13	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2		9.5	chín rưỡi	
14	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2		10	Mười	
15	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2		10	Mười	
16	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2		10	Mười	
17	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01 . Số bài thi: 16 / 17 .

Ngày 3...tháng 6 năm...2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 2...tháng 6 năm...2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Thịnh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Mã lớp học phần: 24311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 12/6/25 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A15

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2		8.6	Tám phẩy sáu	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2		9.5	Chín rưỡi	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		8.4	Tám phẩy tư	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2		8.3	Tám phẩy ba	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2		8.9	Tám phẩy chín	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2		9.1	Chín phẩy một	
7	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2		0.0	Không	SV vắng kiểm tra
8	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2		7.9	Bảy phẩy chín	
9	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2		8.7	Tám phẩy bảy	
10	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2		8.1	Tám phẩy một	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2		9.2	Chín phẩy hai	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2		8.0	Tám	
13	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2		8.5	Tám rưỡi	
14	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2		8.0	Tám	
15	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2		8.5	Tám rưỡi	
16	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2		8.3	Tám phẩy ba	
17	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2		9.0	Chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 01 Số bài thi: 16 / 17

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 12 tháng 06 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Thịnh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Mã lớp học phần: 24311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

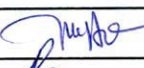
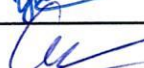
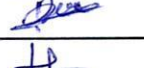
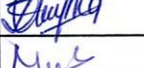
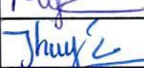
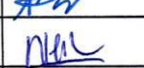
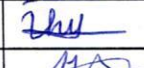
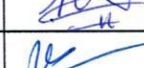
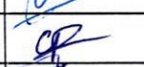
Ngày thi: 2/6/25 Giờ thi: 10h00 Phòng thi: A16

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		8.0	8.0	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		10	10.0	
3	2310150025	Y- Bing	20/05/2003	C25LG1		9.0	9.0	
4	2310150012	Nguyễn Dương Chí	07/10/2005	C25LG1		9.5	9.5	
5	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		10	10.0	
6	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		8.5	8.5	
7	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		9.0	9.0	
8	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		8.0	8.0	
9	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		10	10.0	
10	2310150002	Đinh Thị Tuyết	06/10/2000	C25LG1		8.5	8.5	
11	2310150001	Lê Thị Mỹ	22/08/1997	C25LG1		9.0	9.0	
12	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		9.5	9.5	
13	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		10	10.0	
14	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		9.0	9.0	
15	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		9.0	9.0	
16	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		10	10.0	
17	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		9.5	9.5	
18	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		10	10.0	
19	2310150022	Lê Minh Nhật	24/01/2005	C25LG1		10	10.0	
20	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		10	10.0	
21	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		10	10.0	
22	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		9.0	9.0	
23	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		9.5	9.5	
24	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		10	10.0	
25	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		10	10.0	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 00 . Số bài thi: 25 / 25 .

Ngày 2 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 2 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Ngọc Anh

TRƯ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Mã lớp học phần: 24311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 12/6/25 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		7.0	Bảy	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		7.9	Bảy phẩy chín	
3	2310150025	Y- Bing	20/05/2003	C25LG1		8.3	Tám phẩy ba	
4	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		9.4	Chín phẩy tư	
5	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		8.5	Tám rưỡi	
6	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		8.3	Tám phẩy ba	
7	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		8.2	Tám phẩy hai	
8	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		8.7	Tám phẩy bảy	
9	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		8.4	Tám phẩy tư	
10	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		9.1	Chín phẩy một	
11	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		9.5	Chín rưỡi	
12	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		9.4	Chín phẩy tư	
13	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		10	Mười	
14	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		8.6	Tám phẩy sáu	
15	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		8.6	Tám phẩy sáu	
16	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		8.9	Tám phẩy chín	
17	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		8.9	Tám phẩy chín	
18	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		8.9	Tám phẩy chín	
19	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	C25LG1		9.7	Chín phẩy bảy	
20	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		8.6	Tám phẩy sáu	
21	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		9.8	Chín phẩy tám	
22	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		8.1	Tám phẩy một	
23	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		9.3	Chín phẩy ba	
24	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		8.8	Tám phẩy tám	
25	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		8.7	Tám phẩy bảy	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 00. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 12 tháng 06 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Ngọc Anh

TR

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Giám thị 1: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trần Thị Hoa

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh

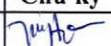
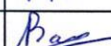
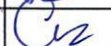
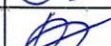
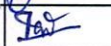
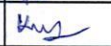
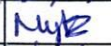
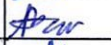
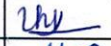
Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 24/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005			6.1	Sáu phẩy một	C25LG1	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005			4.8	Bốn phẩy tám	C25LG1	
3	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005			5.5	Năm phẩy năm	C25LG2	
4	2310150025	Y- Bing	20/05/2003			5.9	Năm phẩy chín	C25LG1	
5	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005			9.0	Chín	C25LG1	
6	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005			7.2	Bảy phẩy hai	C25LG1	
7	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005			9.4	Chín phẩy tư	C25LG2	
8	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005			6.7	Sáu phẩy bảy	C25LG1	
9	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004			6.1	Sáu phẩy một	C25LG2	
10	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002			9.9	Chín phẩy chín	C25LG2	
11	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005			10.0	Mười	C25LG2	
12	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005			6.6	Sáu phẩy sáu	C25LG1	
13	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004			3.3	Ba phẩy ba	C25LG1	
14	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005			6.3	Sáu phẩy ba	C25LG2	
15	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005			4.7	Bốn phẩy bảy	C25LG1	
16	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000			10.0	Mười	C25LG1	
17	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997			7.0	Bảy	C25LG1	
18	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005			10.0	Mười	C25LG1	
19	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005			9.7	Chín phẩy bảy	C25LG1	
20	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005			7.4	Bảy phẩy tư	C25LG2	
21	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005			1.5	Một rưỡi	C25LG1	
22	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005			9.8	Chín phẩy tám	C25LG2	
23	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002			3.6	Ba phẩy sáu	C25LG1	
24	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005			4.8	Bốn phẩy tám	C25LG1	
25	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005			7.4	Bảy phẩy tư	C25LG1	
26	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005			5.1	Năm phẩy một	C25LG1	
27	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005			8.0	Tám	C25LG1	
28	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005			6.1	Sáu phẩy một	C25LG1	
29	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005			8.3	Tám phẩy ba	C25LG2	
30	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005			3.7	Ba phẩy bảy	C25LG2	
31	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005			7.6	Bảy phẩy sáu	C25LG2	
32	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005			7.2	Bảy phẩy hai	C25LG1	
33	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005			4.4	Bốn phẩy một	C25LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2310150043	Lê Thái Minh	Thư	14/10/2005			7.7	bảy phẩy bảy	C25LG2	
35	2310150045	Lê Thị Cẩm	Tiên	22/06/2005			9.1	chín phẩy một	C25LG2	
36	2310150014	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/05/2005			8.2	Tám phẩy hai	C25LG1	
37	2310150042	Nguyễn Cẩm	Tự	30/10/2005			4.9	bốn phẩy chín	C25LG2	
38	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	26/08/2004			9.5	chín phẩy năm	C25LG2	
39	2310150009	Nguyễn Mẫn	Vinh	15/07/2005			10.0	Mười	C25LG1	
40	2310150010	Phạm Ngọc Thảo	Vy	03/10/2004			8.0	Tám	C25LG1	
41	2310150004	Nguyễn Hồng	Yến	06/11/2005			10.0	Mười	C25LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 4 / 1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 26 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 25 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Trinh

TRƯỜNG CĐBC CÔNG

**PHÒNG KHẢO
BẢO ĐẢM CHẤM**